

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 10583-4:2014

ISO/IEC 9834-4:1991

Xuất bản lần 1

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – LIÊN KẾT HỆ THỐNG MỞ –
THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ OSI –
PHẦN 4: SỔ ĐĂNG KÝ CỦA HỒ SƠ VTE**

*Information technology – Open systems interconnection – Procedures for the operation
of OSI registration authorities –
Part 4: Register of VTE profiles*

HÀ NỘI - 2014

Mục lục	Trang
Lời nói đầu.....	4
Lời giới thiệu.....	5
1 Phạm vi áp dụng	7
2 Tài liệu viện dẫn	7
3 Định nghĩa	8
4 Các từ viết tắt.....	9
5 Ban kỹ thuật.....	9
6 Vai trò của Cơ quan đăng ký	9
7 Nội dung của các mục nhập sổ đăng ký.....	9
Phụ lục A (Quy định) Các mục nhập sổ đăng ký.....	10
Phụ lục B (Tham khảo) Ví dụ về mục nhập sổ đăng ký.....	13

Lời nói đầu

TCVN 10583-4:2014 hoàn toàn tương đương với ISO/IEC 9834-4:1991

TCVN 10583-4:2014 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/JTC 1 “*Công nghệ thông tin*” biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Lời giới thiệu

Bộ tiêu chuẩn TCVN 10583 (ISO/IEC 9834) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở gồm các tiêu chuẩn sau đây:

1. TCVN 10583-1:2014 (ISO/IEC 9834-1:2012) Công nghệ thông tin – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký định danh đối tượng – Phần 1: Thủ tục chung và các cung trên cùng của cây định danh đối tượng quốc tế
2. TCVN 10583-2:2014 (ISO/IEC 9834-2:1993) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 2: Thủ tục đăng ký cho kiểu tài liệu OSI
3. TCVN 10583-3:2014 (ISO/IEC 9834-3:2008) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 3: Đăng ký các cung định danh đối tượng bên dưới cung mức trên cùng do ISO và ITU-T quản trị
4. TCVN 10583-4:2014 (ISO/IEC 9834-4:1991) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 4: Sổ đăng ký của hồ sơ VTE
5. TCVN 10583-5:2014 (ISO/IEC 9834-5:1991) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 5: Sổ đăng ký xác định đối tượng điều khiển VT
6. TCVN 10583-6:2014 (ISO/IEC 9834-6:2005) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 6: Đăng ký quá trình ứng dụng và thực thể ứng dụng
7. TCVN 10583-7:2014 (ISO/IEC 9834-7:2008) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 7: Việc đăng ký của các tổ chức quốc tế ISO và ITU-T
8. TCVN 10583-8:2014 (ISO/IEC 9834-8:2008) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 8: Tạo và đăng ký các định danh đơn nhất (UUIDs) và sử dụng như các thành phần định danh đối tượng ASN.1
9. TCVN 10583-9:2014 (ISO/IEC 9834-9:2008) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 9: Đăng ký các cung định danh đối tượng cho ứng dụng và dịch vụ sử dụng định danh thẻ

Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 4: Sổ đăng ký của hồ sơ VTE

*Information technology – Open systems interconnection – Procedures for the operation of OSI registration authorities –
Part 4: Register of VTE profiles*

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định nội dung của các mục nhập sổ đăng ký ghi lại thông tin về các hồ sơ VTE và gán các tên của kiểu OBJECT IDENTIFIER ASN.1 cho việc xác định hồ sơ VTE. Các hồ sơ VTE trong sổ đăng ký này được xác định để sử dụng với các thực thi của giao thức VT yêu cầu phù hợp với ISO 9041-1.

Các tên gọi của hồ sơ VTE mà tiêu chuẩn này tham chiếu được sử dụng trong các lĩnh vực của giao thức truyền thông VT xác định trong ISO 9041-1 ở đó yêu cầu định danh các hồ sơ VTE có trong các sổ đăng ký.

Tên đăng ký theo tiêu chuẩn này phải sử dụng một định danh của hồ sơ VTE liên kết với nó trong sổ đăng ký.

Sự có mặt của mục nhập sổ đăng ký trong Sổ đăng ký quốc tế không bao hàm một hỗ trợ nào cho hồ sơ VTE trong mọi thực thi thiết bị đầu cuối ảo.

CHÚ THÍCH Tuy nhiên, trong mục nhập xác định VTE, các yêu cầu có thể được thể hiện liên quan đến các thực thi yêu cầu hỗ trợ mục nhập đó (các yêu cầu như vậy được mô tả trong điều A.10)

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

TCVN 10583-5:2014 (ISO/IEC 9834-5:1991) Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở – Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 5: Sổ đăng ký xác định đối tượng điều khiển VT

TCVN 10583-4:2014

ISO/IEC 8824:1990 *Information technology – Open systems interconnection – Specification of abstract syntax notation one (ASN.1)* (Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở - Quy định ký pháp cú pháp trừu tượng phiên bản 1 (ASN.1))

ISO 9040:1990¹ *Information technology – Open systems interconnection –Virtual terminal basic class service* (Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở - Dịch vụ lớp cơ sở của thiết bị đầu cuối ảo)

ISO 9041-1:1990² *Information technology – Open systems interconnection –Virtual terminal basic class protocol – Part 1: Specification* (Công nghệ thông tin – Liên kết hệ thống mở - Giao thức lớp cơ sở của thiết bị đầu cuối ảo – Phần 1: Đặc tả)

ISO/IEC 9834-1:1991³ *Information technology – Open systems interconnection – Procedures for the operation of OSI registration authorities – Part 1: General procedures* (Công nghệ thông tin - Liên kết hệ thống mở -Thủ tục điều hành của cơ quan đăng ký OSI – Phần 1: Các thủ tục chung)

3 Định nghĩa

Tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ sau đây.

- a) Liên kết – VT
- b) Đơn vị chức năng – VT
- c) Chế độ – VT
- d) Thông số - VTE
- e) Hồ sơ – VTE
- f) Hồ sơ VTE đã đăng ký
- g) Đối số của hồ sơ
- h) Đối số của hồ sơ đặc biệt
- i) Thông số dịch vụ
- j) Đối tượng biểu diễn
- k) Đối tượng điều khiển
- l) Đối tượng thiết bị
- m) Chế độ, chế độ-A, chế độ-S

¹ ISO 9040:1990 đã hủy và thay thế bằng ISO 9040:1997

²ISO 9041-1:1990 đã hủy và thay thế bằng ISO 9041-1:1997

³ ISO/IEC 9834-1:1991 đã hủy và thay thế bằng ISO/IEC 9834-1:2012

4 Các từ viết tắt

Tiêu chuẩn này áp dụng các từ viết tắt sau đây.

VTE	Môi trường thiết bị đầu cuối ảo
ISO	Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế
OSI	Liên kết hệ thống mở
ASN.1	Ký pháp cú pháp trừu tượng phiên bản 1

5 Ban kỹ thuật

Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn này .

6 Vai trò của Cơ quan đăng ký

Cơ quan đăng ký thực hiện vai trò kỹ thuật trong việc đảm bảo rằng các mục nhập phù hợp với **tiêu chuẩn này và trình bày các đặc tả hữu ích và rõ ràng.**

7 Nội dung của các mục nhập sổ đăng ký

Nội dung của các mục nhập sổ đăng ký được quy định trong Phụ lục A.

8 Định dạng của các mục nhập sổ đăng ký

Các đề xuất của mục nhập sổ đăng ký phải là một dạng được quy định trong Phụ lục A.

9 Áp dụng TCVN 10583-1(ISO/IEC 9834-1)

Tiêu chuẩn này áp dụng tất cả các điều của TCVN 10583-1(ISO/IEC 9834-1).

10 Hoạt động

Các hoạt động không vượt quá 05 đăng ký một năm.

11 Sự thay đổi

Việc bao gồm, việc sửa đổi hoặc việc xóa các mục nhập sổ đăng ký trong Sổ đăng ký quốc tế phải yêu cầu sự đồng thuận của các tổ chức tiêu chuẩn hóa và phải làm theo các thủ tục tương tự được sử dụng cho thỏa thuận của tiêu chuẩn ngoại trừ phê duyệt cuối cùng của tổ chức tiêu chuẩn hóa là không được yêu cầu.

12 Tính sẵn có

Các bản sao của mục nhập sổ đăng ký phải được Cơ quan đăng ký tạo sẵn cho người yêu cầu.

Phụ lục A

(Quy định)

Các mục nhập sổ đăng ký

Các tiêu đề của Phụ lục này phải được sử dụng trong mục nhập sổ đăng ký. Các nội dung của mỗi điều được xác định trong văn bản tương ứng dưới đây:

CHÚ THÍCH Ví dụ về mục nhập sổ đăng ký xuất hiện trong Phụ lục B, và nên được tham khảo các vấn đề trình bày trong phụ lục này.

A.1 Số mục nhập

Số mục nhập được xác định bởi cơ quan duy trì sổ đăng ký. Ngoài ra còn hướng tới mục đích sử dụng của con người và cung cấp định danh mục nhập sổ đăng ký trong phạm vi của cơ quan duy trì sổ đăng ký nhưng không nằm ngoài sổ đăng ký. Ví dụ là:

ISO-09 Sổ đăng ký thứ chín cho các hồ sơ VTE

A.2 Tên của Cơ quan bảo trợ

Điều này phải chứa tên của cơ quan bảo trợ (xác định trong TCVN 10583-1 (ISO/IEC 9834-1)) đó là tổ chức đề xuất mục nhập sổ đăng ký.

A.3 Ngày tháng

Điều này phải chứa ngày tháng một đề xuất được đệ trình đầu tiên đến tiểu ban kỹ thuật có trách nhiệm hoặc ngày tháng đề xuất của mục nhập sổ đăng ký.

A.4 Định danh

Điều này quy định giá trị của kiểu OBJECT IDENTIFIER ASN.1 trong đó định danh hồ sơ VTE xác định bởi mục nhập sổ đăng ký này, và được sử dụng trong trường định danh hồ sơ của các phần tử giao thức VT tham chiếu hồ sơ này.

CHÚ THÍCH Các giá trị của kiểu OBJECT IDENTIFIER ASN.1 cung cấp định danh các đối tượng thông tin và không bao giờ được sử dụng lại.

Một mục nhập sổ đăng ký hồ sơ VTE OSI được sao chép mà không có thay đổi về kỹ thuật nào từ một sổ đăng ký đến một sổ đăng ký khác ở đó giá trị định danh đối tượng đã cấp phát đầu tiên có thể được duy trì để định danh cùng một đối tượng trong sổ đăng ký mới hoặc giá trị mới có thể được cấp phát. Giá trị định danh cũ không được sử dụng lại để định danh một đối tượng khác.

Các định danh đối tượng mới được cấp phát bởi Cơ quan đăng ký đối với các hồ sơ VTE phải có dạng:

{iso standard 9834 vte-profile (4) x}

ở đó x là số hồ sơ VTE trong sổ đăng ký quốc tế.

Các định danh đối tượng được cấp phát bởi các cơ quan đăng ký khác có thể nằm trong số các dạng cho phép theo ISO/IEC 8824 nhưng lệ thuộc vào việc TCVN 10583-1(ISO/IEC 9834-1) có đủ điều kiện hay không.

A.5 Giá trị bộ mô tả

Điều này quy định giá trị của Bộ mô tả đối tượng ASN.1 được liên kết với định danh trong điều A.4. Các mục nhập được sao chép từ một sổ đăng ký đến sổ đăng ký khác, các thay đổi của điều này là thay đổi về biên tập, không phải thay đổi về kỹ thuật.

Giá trị Bộ mô tả đối tượng cung cấp văn bản mà con người có thể đọc được mô tả hồ sơ VTE được bao trùm bởi mục nhập sổ đăng ký. Nó có thể được chọn để cung cấp khả năng định danh mức cao hồ sơ VTE nhưng điều này không được bảo đảm chắc chắn.

A.6 Chế độ

Điều này cho biết chế độ hoạt động (A hoặc S) mà hồ sơ đăng ký này được thiết kế.

A.7 Đơn vị chức năng VT

Điều này cho biết các đơn vị chức năng VT được yêu cầu là tùy chọn và bị cấm hoạt động sử dụng hồ sơ VTE đã đăng ký này.

A.8 Đối số của hồ sơ

Điều này liệt kê các đối số của hồ sơ kết hợp với hồ sơ VTE này và xác định chúng. Theo quy ước, các đối số của hồ sơ được đặt là "r1", "r2"... "rn".

Trong hầu hết các trường hợp, đối số của hồ sơ tương đương với thông số VTE (trong đồ thị định hướng) và mối quan hệ này phải được chỉ ra trong định nghĩa đối số của hồ sơ. Có thể đưa ra một kiểu giá trị và/hoặc dãy.

Các đối số của hồ sơ đặc biệt không có các giá trị tương đương trong đồ thị định hướng và phải đưa ra một số định danh cục bộ (kiểu INTEGER ASN.1) trong đó có ý nghĩa cụ thể cho hồ sơ VTE đã đăng ký. Chúng có dạng Pp-1, Pp2...Pp-n. Kiểu giá trị của đối số của hồ sơ đặc biệt cũng được quy định.

Các đối số của hồ sơ có thể có các giá trị mặc định do hồ sơ VTE quy định. Đối với các đối số mà ảnh xạ đến các thông số VTE, các giá trị mặc định của đối số hồ sơ có thể được xác định độc lập từ các giá trị mặc định của thông số xác định trong ISO 9040 đối với thông số VTE kết hợp. Hồ sơ VTE có thể cũng tham chiếu đến các giá trị mặc định của thông số VTE để sử dụng như các giá trị mặc định của đối số hồ sơ. Các đối số hồ sơ đặc biệt có thể có giá trị hợp lệ được xác định là mặc định.

Sự tồn tại và giá trị của các giá trị mặc định của đối số hồ sơ nên được bao gồm trong điều về mục nhập sổ đăng ký này.

A.9 Phần chính của hồ sơ VTE

Phần chính của việc xác định hồ sơ VTE được trình diễn trong ký pháp kiểu BNF hoặc trong mọi ký pháp thích hợp khác. Một số thông số VTE là các giá trị duy nhất được đưa ra từ việc xác định hồ sơ. Các thông số VTE khác chịu sự đánh giá của đối số hồ sơ. Tất cả các thông số hồ sơ VTE phải được quy định trong phần chính của hồ sơ VTE không tính đến các giá trị mặc định xác định trong các tiêu chuẩn. Điều này có nghĩa là người sử dụng sổ đăng ký có thể nhận được tất cả các thông tin cần thiết từ một nơi. Một số thông số VTE trong đồ thị định hướng ví dụ: chế độ và các đơn vị chức năng không xuất hiện trong việc xác định hồ sơ VTE do đó được gán các giá trị bởi chế độ VT của thông số dịch vụ và các đơn vị chức năng VT trong VT-ASSOCIATE.

Các biểu tượng sau đây được sử dụng trong ký pháp kiểu BNF:

- { } bao quanh một nhóm có các mục đích về cú pháp không liên quan đến việc nhắc lại tùy chọn
- ,
- phân chia các thông số cơ bản hoặc các thông số được nhóm trong danh sách
- *()* lời giải thích
- .
- kết thúc khối cú pháp
- IF...THEN { } cho biết sự xuất hiện một phần hồ sơ VTE phụ thuộc vào đối số hồ sơ đặc biệt của kiểu boolean.

Có thể xác định các đối tượng điều khiển VT trong hồ sơ VTE. Các đối tượng điều khiển như vậy có thể được sử dụng trong nhiều hồ sơ VTE ở đó nó được khuyến cáo rằng đối tượng điều khiển có thể được đăng ký riêng trong sổ đăng ký của các đối tượng điều khiển VT (xem TCVN 10583-5 (ISO/IEC 9834-5)). CO được xác định trong hồ sơ VTE ở đó mỗi thông số kết hợp với CO phải được xác định và các nội dung, ngữ nghĩa và cú pháp cập nhật cũng được xác định (xem TCVN 10583-5 (ISO/IEC 9834-5 các ví dụ về định nghĩa CO)).

A.10 Thông tin bổ sung

Các chú thích bổ sung được bao gồm ở đây khi cần, cho biết mọi điều kiện về việc sử dụng hồ sơ VTE

Các yêu cầu có thể được quy định ở đây được đặt trên mọi thực thi yêu cầu hỗ trợ hồ sơ VTE đã đăng ký.

Điều này là tùy chọn và hiện tại là quy định.

A.11 Cách sử dụng

Cách sử dụng hồ sơ VTE được đưa ra ở đây chỉ là thông tin. Điều này là bắt buộc.

Phụ lục B (Tham khảo)

Ví dụ về mục nhập số đăng ký

1 Số mục nhập

ISO-3

2 Tên của tổ chức bảo trợ

Tổ chức bảo trợ là ISO/IEC JTC1/SC21/WG5

3 Ngày tháng

Ngày tháng của đề xuất là ngày 17 tháng 11 năm 1991.

4 Định danh

{ iso standard 9834 vte-profile(4) 3 }

5 Giá trị bộ mô tả

“Trang giới hạn chế độ đơn S với thiết bị in tùy chọn“

6 Chế độ

Sử dụng hồ sơ này yêu cầu chế độ S được lựa chọn.

7 Đơn vị hàm nhân

Đơn vị hàm nhân được yêu cầu hoạt động với hồ sơ VTE này.

8 Đối số của hồ sơ

Hồ sơ VTE này có ba đối số:

Đối số của hồ sơ r1 là bắt buộc và có thể thương lượng một giá trị cho thông số giới hạn x và độ dài mảng x nhỏ nhất. Nó có giá trị nguyên dương.

Đối số của hồ sơ r2 là tùy chọn và có thể thương lượng một giá trị cho thông số giới hạn y và độ dài mảng y nhỏ nhất. Nó có giá trị nguyên dương. Giá trị mặc định là 24.

Đối số của hồ sơ r3 là tùy chọn và có thể thương lượng sự tồn tại của định danh thứ cấp đối với việc ánh xạ tới thiết bị hỗ trợ như là thiết bị in. Đây là đối số của hồ sơ đặc biệt Pp1 với giá trị định danh số là 1 và kiểu BOOLEAN, nó có các giá trị là “true“ và “false“. Mặc định là “false“.

9 Phân chính của hồ sơ VTE

Các đối tượng biểu diễn *(sự xuất hiện đơn)* =

{display-object-name = DO,

dimensions =2 *(giá trị mặc định)*

TCVN 10583-4:2014

x-dimension=

```
{ x-bound = profile-argument-r1,  
  x-addressing="no constraint",  
  x-absolute= "yes"
```

(cửa sổ x giả thiết giá trị mặc định) },

y-dimension=

```
{ y-bound = profile-argument-r2,  
  y-addressing="no constraint",  
  y-absolute= "yes"
```

(cửa sổ y giả thiết giá trị mặc định) }}

Các đối tượng thiết bị *(xuất hiện đơn hoặc đôi)*

```
{device-object-name=DVD,  
  device-display-object=DO,  
  device-default-initial-value= "true",  
  device-emphasis = {"BN", null, null, null, null. "CN"},
```

*(Lựa chọn này được tạo ra từ ISO 6429 dựa vào quy định trong ISO 9040 điều B.17.3 và cho phép các kết quả sau đây – “normal”, “emphasise” và “invisible”) *

```
device-minimum-array-length = profile-argument-r1,  
device-minimum-array-length = profile-argument-r2
```

*(các thông số của thiết bị khác giả thiết các giá trị mặc định hoặc không được yêu cầu) *

```
IF r3 = "true" THEN *(thiết bị có mặt nếu đối số của hồ sơ r3 = "true") *
```

```
{device-name=DVP,  
  device-display-object=DO,  
  access-control-on-default-CO="WAVAR",  
  device-emphasis = {"BN", null, null, null, null. "CN" }
```

*(Lựa chọn này được tạo ra từ ISO 6429 dựa vào quy định trong ISO 9040 điều B.17.3 và cho phép các kết quả sau đây – “normal”, “emphasise” và “invisible”) *

```
device-minimum-array-length = profile-argument-r1,  
device-minimum-array-length = profile-argument-r2
```

*(các thông số của thiết bị khác giả thiết các giá trị mặc định hoặc không được yêu cầu) *).

CHÚ THÍCH Ví dụ trên là chưa hoàn thiện. Tuy nhiên, tất cả các thông số VTE phải được quy định trong phần chính của hồ sơ VTE không quan tâm đến các giá trị mặc định xác định trong các tiêu chuẩn. Điều này có nghĩa là người sử dụng sổ đăng ký có thể nhận được các thông tin cần thiết từ một nơi.

10 Thông tin bổ sung

Chỉ có toán tử boolean đầu tiên của đối tượng điều khiển mặc định chứa trong mỗi đối tượng thiết bị được xác định. Toán tử boolean này được xác định là bộ chuyển “on/off” cho thiết bị ở đó giá trị “true” = “on” và “false” = “off”. Các giá trị này được lựa chọn sao cho giá trị đầu tiên về đối tượng thiết bị DVD có nghĩa là thiết bị là “on” và kết quả từ đối tượng biểu diễn được ánh xạ đến thiết bị. Giá trị đầu tiên cho đối tượng thiết bị thứ hai DVP là mặc định, “false” có nghĩa là đối tượng thiết bị này là “off”.

11 Cách sử dụng

Hồ sơ VTE này sử dụng cho các ứng dụng yêu cầu hoạt động đàm thoại luân phiên hai chiều hướng đơn trang với khả năng ghi địa chỉ tuyệt đối. Có thể ánh xạ lên các thiết bị video chế độ màn ảnh thông thường.

Đối tượng giá trị thứ cấp có thể được sử dụng ví dụ, khi thiết bị chính là màn hình VDU và cho phép sự tồn tại của thiết bị thứ hai, ví dụ thiết bị in “bản cứng” được khai báo ở đó một số khía cạnh sử dụng là hiện hữu trên liên kết VT.
